

KHÁI QUÁT VỀ HỆ THỐNG DI TÍCH KHẢO CỔ HỌC TIỀN SỬ LAI CHÂU

LÊ HẢI ĐĂNG, LƯU VĂN PHÚ*

1. Địa lý tự nhiên và môi trường sinh thái khu vực nghiên cứu

Lai Châu là tỉnh biên giới ở miền Tây Bắc, có tọa độ địa lý từ 21°41' đến 22°49' vĩ Bắc và 102°19' đến 103°59' kinh Đông, phía bắc giáp tỉnh Vân Nam của Trung Quốc, phía tây và phía tây nam giáp tỉnh Điện Biên, phía đông giáp tỉnh Lào Cai, phía đông nam giáp tỉnh Yên Bái, và phía nam giáp tỉnh Sơn La. Đây là tỉnh có diện tích lớn thứ 10/63 tỉnh thành Việt Nam, có trung tâm hành chính là thành phố Lai Châu, cách Thủ đô Hà Nội 397km.

Năm 1910, tỉnh Lai Châu được thành lập theo Nghị định ngày 28 tháng 6 năm 1909 của Toàn quyền Đông Dương trên cơ sở sát nhập phủ Điện Biên, châu Quỳnh Nhai và Châu Lai, thuộc đạo thứ tư và đặt Sở Đại biện tại phủ Điện Biên. Năm 2004, Lai Châu được tách ra thành hai tỉnh mới là Điện Biên và Lai Châu. Tỉnh Lai Châu mới gồm các huyện Sìn Hồ, Than Uyên, Mường Tè, Tam Đường và thị xã Lai Châu.

Hiện nay, tỉnh Lai Châu có một thành phố trực thuộc là Lai Châu và 7 huyện: Tam Đường, Than Uyên, Tân Uyên, Phong Thổ, Sìn Hồ, Nậm Nhùn và Mường Tè. Đây là địa bàn cư trú, sinh tụ của nhiều dân tộc anh em: Việt, Thái, H'Mông, Dao, Giáy, Hà Nhì, Lào, Cống, Si La và một số dân tộc ít người khác. Lai Châu được nối với các vùng miền khác chủ yếu qua hai tuyến giao thông thủy - bộ: sông Đà, quốc lộ 32 và ít hơn là quốc lộ 6. Khi chưa có những con đường lớn trên bộ, trục giao thông chính của Lai Châu ra bên ngoài là con sông Đà và các chi lưu của nó (gồm Nậm Mu, Nậm Mạ, Nậm Na) cùng mạng lưới khe suối ở đây.

Về địa hình trên những nét đại quát, Lai Châu có chung những đặc điểm địa hình của miền Tây Bắc với 3 kiểu chính như sau:

- *Kiểu địa hình núi đá vôi* phân bố chạy dọc các dòng sông, dòng suối và phát triển thành dải theo hướng tây bắc - đông nam. Từ biên giới Việt - Trung đi xuống, thoát đầu chúng ta bắt gặp dải núi đá vôi chạy dài từ huyện Phong Thổ theo dòng Nậm Na và dừng lại ở phía bắc thành phố Lai Châu, nơi dòng Nậm Na đổ nước vào sông Đà. Tiếp đến là các dãy núi đá vôi vách đứng, đỉnh nhọn, phân bố đứt quãng nhưng đuổi theo nhau và bám sát đôi bờ sông Đà, bắt đầu ở huyện Sìn Hồ (Lai Châu) chạy dài đến các huyện của Sơn La từ Quỳnh Nhai cho đến Phù Yên. Các dãy núi đá vôi này ngắt quãng, không liên tục những đều bám sát đôi bờ sông Đà để rồi nhập vào với vùng núi đá vôi điển hình ở tỉnh Hoà Bình.

* Viện Khảo cổ học

- *Kiểu địa hình thung lũng ven sông và bãi cát bồi ven suối* nằm kẹp giữa hai bên là núi đồi, giữa là sông với các bãi bồi ven sông và suối lớn. Nhìn chung, các thung lũng sông Đà rộng, hẹp không đều, càng lui về phía trung lưu thung lũng càng mở rộng, càng ngược về thượng nguồn sông Đà thung lũng càng thu hẹp. Dù rộng hay hẹp nhưng các thung lũng sông vẫn là nơi có thảm thực vật và động vật khá phong phú, nhất là nơi gặp nhau giữa sông Đà và cửa các suối lớn, xuất hiện các cánh đồng lúa và cũng là nơi cư trú tập trung đông đúc dân cư hiện nay.

- *Kiểu địa hình bình nguyên và cao nguyên* ở Lai Châu là tương đối bằng phẳng với diện tích tương đối rộng và phân bố rải rác. Xa nhất về phía bắc là cao nguyên Bình Lư - Tam Đường, lui xuống là cao nguyên Tà Phình, Sìn Hồ. Đây là vùng đất trồng cây công nghiệp và bãi chăn thả gia súc theo bầy đàn lớn của tỉnh Lai Châu.

Theo các tài liệu khí hậu - thủy văn thì khu vực tỉnh Lai Châu nằm ở nửa phần phía bắc của miền Tây Bắc, đây là vùng có lượng mưa trung bình hàng năm cao nhất toàn miền. Và, do độ cao mà nhiệt độ trong khu vực này cũng không giống nhau, trải trong khoảng 16°C (vùng núi cao trên 800m) đến 22°C-23°C ở vùng thấp (có độ cao trên dưới 300m). Chế độ nhiệt ẩm ở Lai Châu phân biệt hai mùa rõ rệt. Mùa đông khô và lạnh, mùa hè nóng và ẩm. Do nằm sâu trong lục địa, và bị các dãy núi cao che chắn, gây cản trở cho sự hoàn lưu của gió mùa trong khu vực. Với khí hậu đa dạng nên khu vực Lai Châu rất phong phú về tài nguyên động thực vật, với quần động vật tương đối phong phú có tới 176 loài có vú, 974 loài chim, 250 loài bò sát.

Thổ nhưỡng Lai Châu chủ yếu là các loại đất đỏ, vàng nhạt phát triển trên đá cát, đá sét và đá vôi, với nhiều loại hình rừng khác nhau như rừng kín, rừng thưa, rừng rụng lá và rừng bán rụng lá với độ che phủ của thảm thực vật hiện còn khoảng 30%. Rừng ở đây có nhiều loại gỗ quý giá trị cao như lát, chò chỉ, nghiến, táu, pơ mu, các cây đặc sản như cánh kiến đỏ, song, mây tre và các loại cây, củ để làm thuốc (Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Lai Châu 2009).

2. Đặc trưng phân bố hệ thống di tích khảo cổ tiền sử Lai Châu

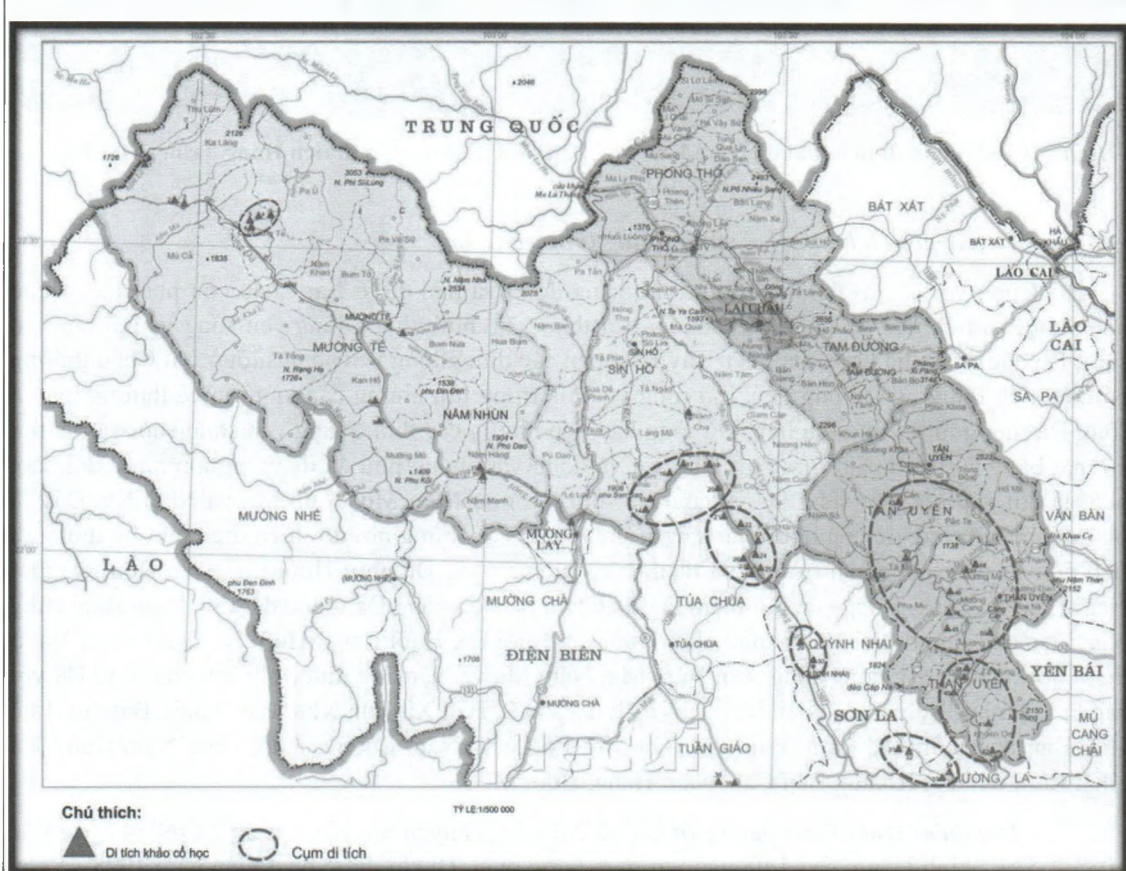
Cho đến nay, những nghiên cứu khảo cổ học ở Lai Châu đã ghi nhận trên 50 di tích khảo cổ tiền sử trong khung niên đại tương đối từ 30.000 năm đến trên dưới 4.000 năm cách ngày nay (*Hình 1*)(Lê Hải Đăng 2017). Dựa theo đặc điểm địa sinh thái, có thể phân chia hệ thống di tích khảo cổ tiền sử ở Lai Châu theo không gian phân bố như sau:

2.1. Các di tích khảo cổ ở vùng núi đá vôi

Vùng núi đá vôi tập trung nhất ở tỉnh Lai Châu thuộc khu vực hai huyện Phong Thổ và Sìn Hồ là nơi có những dãy núi đá vôi vách đứng, đỉnh nhọn. Trong kiểu địa hình núi đá vôi này thường có nhiều hang động và mái đá. Đó là những “ngôi nhà” lý tưởng và thuận tiện cho việc cư trú của người nguyên thủy. Đã có một số di tích khảo cổ hang động và mái đá được phát hiện và khai quật. Dưới đây là một số di tích tiêu biểu:

- *Địa điểm Mái đá Nậm Kha* ở bản Nậm Kha, xã Nậm Kha, huyện Sìn Hồ, tọa độ 22°03'518" vĩ Bắc, 103°26'578" kinh Đông. Mái đá là một loạt 3 hang đá nhỏ nằm theo trục bắc - nam, các cửa hang đều quay theo hướng tây, nhìn ra triền đồi thoải dốc xuống sông Đà (*Hình 2*). Riêng phần hang đá lớn quay mặt ra sông Đà đã bị đánh sập và phá hủy hoàn toàn do quá trình lấy đá làm bãi khai thác cát. Di tích đã được khai quật 150m² (5 x 30m). Địa tầng di chỉ có một tầng văn hóa ổn định, với hai mức văn hóa sớm muộn: Mức sớm chứa những công cụ ghè đẽo mang phong cách văn hóa Hòa Bình; Mức muộn là lớp đất màu vàng có chứa gốm mảnh, đồ đồng và ít công cụ

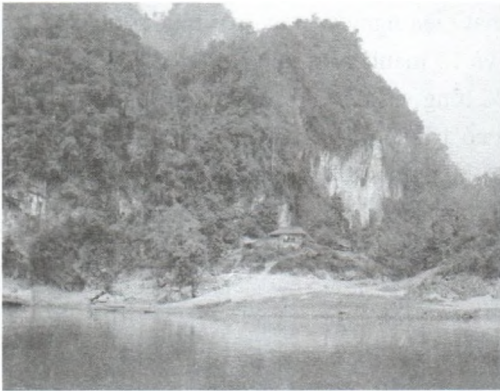
đá cuội ghè đẽo và đá mài. Có 2 dấu vết bếp lửa được phát hiện ngay trên bề mặt thuộc các ô a1 và d1. Tổng cộng thu được 56 hiện vật đá, 1 hiện vật đồng và 15 mảnh gốm tiền sử. Đồ đá có 2 nhóm: Nhóm công cụ ghè đẽo gồm 44 hiện vật (chiếm 78,57% tổng số hiện vật đá); nhóm phác vật rìu, hòn ghè và bàn mài gồm 12 hiện vật (11,43%). Đồ đồng có 1 lục lạc, kích thước nhỏ nhắn, trang trí hoa văn với những đường tròn đồng tâm đắp nổi. Kết quả khai quật di chỉ Nậm Kha góp phần cung cấp thêm tư liệu cho việc nghiên cứu hệ thống các di chỉ khảo cổ học tiền sử ở lòng hồ thủy điện Sơn La cũng như nghiên cứu khảo cổ học tiền sử tỉnh Lai Châu (Lê Hải Đăng và nnk 2011).



Hình 1. Bản đồ phân bố các cụm di tích khảo cổ học tiền sử ở tỉnh Lai Châu

(Nguồn: Tác giả)

- **Địa điểm Hang Trâu - Hát Đầu** ở xã Nậm Mạ, huyện Sin Hồ, tọa độ $22^{\circ}09'12,9''$ vĩ Bắc, $103^{\circ}20'36,9''$ kinh Đông, cao 158,9m; được phát hiện năm 1998 và khai quật năm 2010 (Hình 3). Đây là một di tích kép bao gồm bên trên là hang động, liền đó là thềm sông. Tại thềm sông, Lốp văn hóa cấu tạo bởi đất phù sa, lẫn cát và sỏi nhỏ, dày 0,6m, tìm thấy 716 đồ đá, 160 mảnh gốm và 1 đồ xương. Trong di chỉ Hang Trâu chủ yếu phát hiện được công cụ ghè đẽo thô trong đó hầu như không có công cụ đá kiểu văn hóa Hòa Bình - Bắc Sơn; bên cạnh đó có một nhóm phác vật rìu, rìu tứ giác mài toàn thân, lõi vòng và gốm thô trang trí văn thừng, văn khắc vạch. Những di vật này minh chứng cho vết tích cư trú tạm thời của cư dân Đá mới muộn ở đây. Theo những người khai quật thì địa điểm Hang Trâu - Hát Đầu về cơ bản có lớp sớm thuộc thời đại Đá cũ, có tuổi khoảng 2 vạn năm cách nay và lớp muộn là hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí (Nguyễn Khắc Sửu và nnk 2011).



Hình 2. Cảnh quan di tích mái đá Nậm Kha



Hình 3. Cảnh quan di tích Hang Trâu - Hát Dấu

(Nguồn: Tác giả)

2.2. Các di tích khảo cổ ở vùng thung lũng ven sông/suối

Cùng với các di tích phân bố trong hang động và mái đá, ở Lai Châu còn phát hiện được hàng chục di tích tiền sử phân bố ở ngoài trời thuộc địa hình thung lũng ven sông và bãi bồi ven suối. Do đặc điểm địa hình của miền Tây Bắc, nên các thung lũng ven sông suối ở Lai Châu thường có diện tích rộng, hẹp không đều, mở rộng về phía trung lưu nhưng càng ngược về thượng nguồn sông Đà thung lũng càng thu hẹp. Dù rộng hay hẹp nhưng các thung lũng ven sông/suối vẫn là nơi có mặt bằng cư trú thuận lợi, thâm thực vật và động vật phong phú đa dạng, nguồn nước dồi dào, nhất là nơi gặp gỡ giữa sông Đà và cửa các suối lớn như Nậm Mu, Nậm Mạ và Nậm Na. Đây là những nơi lý tưởng để con người cư trú và sinh hoạt. Tại những nơi đó hiện diện một hệ thống di tích tiền sử phân bố ngoài trời thuộc thềm bậc hai của sông Đà như: Huổi Ca, Nậm Dôn, Co Đór, Nậm Hăn, Pá Pha... Cũng cần nói thêm là đôi diện ở bên kia sông Đà thuộc đất tỉnh Điện Biên cũng phát hiện các cụm di tích thềm sông như: Huổi Le, Huổi Lé, Huổi Lóng, Huổi Sớ, Đồi Cao... Và, ở thềm bậc hai của các dòng sông/suối Nậm Mu, Nậm Mạ và Nậm Na thuộc chi lưu của sông Đà với các di tích như: Nậm Cha, Nậm Mạ, Tà Vải 1, Tà Vải 2, Bản Xi, Bản Khá, Bản Xanh, Bản Sò, Bản Gia, Bản Nam, Phiêng Cầm, Bản On, Bản Mờ, Pô Lếch, Nậm Luông, Huổi Han, Nậm Cùm, Nà Khặt Lùm, Phiêng Khang, Bản Cáu, Nậm Hàng, Huổi Mò...

- **Địa điểm Huổi Ca** ở bản Huổi Ca, xã Nậm Mạ, huyện Sin Hồ, tọa độ $22^{\circ}09'347''$ vĩ Bắc, $103^{\circ}22'537''$ kinh Đông, cao 140m so với mực nước biển. Di chỉ được phát hiện năm 1998 và khai quật năm 2010 với diện tích $80m^2$ (Hình 4). Địa tầng hồ khai quật dày 1,5m cũng chính là tầng văn hóa có diễn biến từ sớm đến muộn, đã phát hiện được nhiều cụm chế tác đá tập trung ở hầu hết các độ sâu và nhiều mảnh hạt trám đã bị cháy. Trong hồ khai quật thu được 14.271 đồ đá và 58 mảnh gốm. Trong số đồ đá có 1.695 công cụ, 8.037 mảnh tước, 537 mảnh tách, 17 hạch đá và 3.985 hòn cuội nguyên liệu với nhiều kích cỡ khác nhau. Ngoài nhóm nguyên liệu và phế liệu thì đồ đá Huổi Ca gồm 4 nhóm: Công cụ ghè đẽo, rìu và phác vật, công cụ không gia công, đồ trang sức và đá có vết khắc. Ở di chỉ Huổi Ca không có đồ gốm nguyên, chỉ có 58 mảnh gốm, đều là gốm thô gồm hai loại dày và mỏng được phát hiện ở cả hai mức văn hóa sớm và muộn. Đã có một số niên đại ^{14}C từ mẫu than hạt trám lấy ở độ sâu nhất của Huổi Ca (1,45m) do Phòng Thí nghiệm và phân tích niên đại của Viện Khảo cổ học tiến hành có kết quả từ 10.000-9.000BP. Cùng những mẫu than trám này lấy ở độ sâu (1,3m), Phòng Thí nghiệm Đại học Tokyo (Nhật Bản) xác định bằng phương pháp AMS lại có kết quả tuổi tuyệt đối của di chỉ Huổi Ca là từ 5.435-5.655BP. Những người khai quật nhận định Huổi Ca là một đại diện tiêu biểu cho hệ thống các di tích Đá mới sau Hòa Bình ở thượng du sông Đà (Nguyễn Gia Đồi, Lê Hải Đăng 2010; Lê Hải Đăng 2012; 2017).

- **Địa điểm Nậm Dôn** ở bản Tia Chí Lư, xã Tủa Sín Chải, huyện Sìn Hồ, có tọa độ $22^{\circ}09'19''$ vĩ Bắc, $103^{\circ}19'59''$ kinh Đông, cao 172m so với mặt nước biển. Di chỉ được khai quật năm 2010 với diện tích 500m^2 (Hình 5). Nậm Dôn có tầng văn hóa khá dày, thể hiện sự diễn biến sớm muộn. Lớp văn hóa muộn gồm lớp 1, lớp 2 và một phần lớp 3. Lớp văn hóa sớm là một phần của lớp 3, lớp 4 và lớp 5. Nhìn chung, địa tầng hồ khai quật di chỉ Nậm Dôn khá dày và tương đối nguyên vẹn chứa tổ hợp di tích và di vật khảo cổ học. Trong địa tầng di chỉ Nậm Dôn tìm thấy hai vết tích mộ táng, thuộc dạng mộ nồi gốm, hiện vật đi kèm là đồ tùy táng gồm đồ trang sức như vòng tay, rìu đồng, hạt chuỗi bằng đá, nhưng không thấy di cốt người. Su tập di vật Nậm Dôn có 2.680 công cụ cuội, 23 đồ đá mài, 2 đồ đồng, 1 dọi xe sợi bằng đất nung, 4.342 mảnh tước (phế liệu) và trên 300 mảnh gốm thô. Trong số di vật này, nhóm công cụ cuội có số lượng lớn nhất và tiêu biểu nhất cho di chỉ Nậm Dôn với đầy đủ các loại hình. Những người khai quật cho rằng, di chỉ Nậm Dôn có tầng văn hóa bảo tồn tốt, dày trung bình 50 - 60cm, có sự diễn biến sớm muộn. Lớp văn hóa muộn chứa hai mộ táng chủ nhân thuộc giai đoạn hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí. Lớp văn hóa sớm có niên đại tương đối thuộc hậu kỳ Đá cũ - văn hóa Sơn Vi (Nguyễn Khắc Sử và nnk 2011).



Hình 4. Cảnh quan di tích Huổi Ca



Hình 5. Cảnh quan di tích Nậm Dôn

(Nguồn: Tác giả)

- **Địa điểm Huổi Han** ở khu phố 9, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè có tọa độ $22^{\circ}22'56,4''$ vĩ Bắc và $102^{\circ}47'57,6''$ kinh Đông. Di chỉ được phát hiện năm 2012, thuộc lòng hồ thủy điện Lai Châu. Năm 2014, di chỉ được khai quật 400m^2 . Tầng văn hóa dày trung bình 1,4m, gồm một giai đoạn văn hoá duy nhất, lớp bên trên có sự xáo trộn cục bộ do quá trình canh tác, các lớp dưới mức độ bảo tồn nguyên vẹn. Trong hồ khai quật đã phát hiện được một số di tích như các cụm đá chế tác tập trung có hình bầu dục, kích thước $2-4\text{m}^2$ và các di tích bếp lửa rộng xấp xỉ 1m^2 . Hiện vật trong các hồ khai quật đều là đồ đá, gồm 203 hiện vật trong hồ khai quật và 15 hiện vật sưu tầm trên bề mặt di chỉ. Bên cạnh công cụ ghè đẽo, công cụ mài và đồ trang sức đã xuất hiện và ở vào trình độ chế tác khá cao.

Những chiếc rìu đá hình thang mài toàn thân, lõi vòng tay và bàn mài được tìm thấy ở đây phản ánh các kỹ thuật mài, cưa, khoan, chuốt của chủ nhân di chỉ ở vào giai đoạn hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí (Lê Hải Đăng 2016a).

- **Địa điểm Nậm Cha** ở bản Nậm Cha, xã Nậm Cha, Sìn Hồ, Lai Châu, tọa độ $22^{\circ}11'55,8''$ vĩ Bắc, $103^{\circ}25'26,9''$ kinh Đông, cao 180m so với mực nước biển. Di chỉ được khai quật năm 2010. Địa tầng bị xáo trộn, tầng văn hóa có sự tái trầm tích, không có giá trị để phân lớp diễn biến. Trong hồ khai quật thu được 791 công cụ đá, 4.386 mảnh tước, 2 rìu đồng và 800 mảnh gốm. Những người

khai quật nhận định Nậm Cha là di chỉ Đá mới - Hòa Bình ngoài trời và có cả lớp văn hóa muộn thuộc thời đại Kim khí (Nguyễn Trường Đông và nnk 2011).

- **Địa điểm Tà Vải 1** ở địa phận bản Tà Vải, xã Tà Hừa, huyện Than Uyên, tọa độ $21^{\circ}55'52''$ vĩ Bắc và $103^{\circ}48'1,0$ kinh Đông, cao 385m so với mực biển. Tầng văn hoá của di chỉ thuần nhất không có lớp ngăn cách, dày khoảng 1m, về cơ bản được bảo tồn tốt, có diễn biến từ Đá mới sớm dạng Hòa Bình ngoài trời lên hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí. Trong hố khai quật chỉ phát hiện được hai hố đất đen chứa than có thể là hố chân cột của một kiến trúc nào đó thời tiền sử, đường kính hố khoảng 20cm, sâu khoảng 30cm. Hiện vật thu được gồm 862 di vật đá, trong đó có 770 công cụ đá và 92 mảnh tước, 135 mảnh gốm thô và 2 mảnh công cụ đồng. Di chỉ Tà Vải 1 có diện phân bố khá lớn, có thể là di tồn của một nơi cư trú khá lâu dài của cư dân tiền sử. Có thể nói rằng Tà Vải 1 là một di chỉ có vai trò quan trọng trong hệ thống di tích văn hoá tiền sử khu vực Tây Bắc. Đây là một trong số ít di tích thuộc hậu kỳ thời đại Đá mới - sơ kỳ Kim khí có tầng văn hoá còn khá nguyên vẹn và di vật độc đáo. Những tư liệu thu được ở đây sẽ có ý nghĩa lớn cho quá trình nghiên cứu tiền sử khu vực (Nguyễn Gia Đồi 2010).

- **Địa điểm Phiêng Áng** ở bản Phiêng Áng (cũ), xã Nậm Cắn, huyện Tân Uyên. Di chỉ được phát hiện năm 2010 và khai quật 300m² năm 2011. Tầng văn hoá dày trung bình từ 0,6-0,8m, cấu tạo bởi đất sét lẫn cát có màu nâu, nâu đỏ, không có hiện tượng bị xáo trộn. Di vật thu được trong tầng văn hoá thuần là đồ đá, tổng số có 109 hiện vật, có tới 91 công cụ ghè đẽo, 13 mảnh tước, còn lại là nhóm công cụ mài và công cụ không gia công (1 công cụ đá mài, 2 chì lưới, 1 chày nghiền, 1 bàn nghiền và 10 chiếc bàn mài). Tổ hợp di tích và di vật Phiêng Áng cho thấy di chỉ có niên đại hậu kỳ Đá mới (Lê Hải Đăng 2015).

- **Địa điểm Nậm Hàng** ở bản Pá Kéo, xã Nậm Hàng, huyện Nậm Nhùn, tọa độ $103^{\circ}00'00''$ kinh Đông, $22^{\circ}03'70''$ vĩ Bắc, độ cao 200m. Di chỉ có diện tích khoảng 2.000-3.000m², nhưng bị tàn phá nặng, chỉ còn lại khoảng 110 - 120m². Các loại hình di vật đá, gốm, đồng nằm rải rác, bị vùi lấp trong đất, cát hoặc nằm lộ thiên trên bề mặt. Năm 2011 di chỉ được khai quật 90m², xuất lộ tầng văn hoá dày trên dưới 1,6m. Trong hố khai quật đã thu được 216 di vật đá bao gồm cả đồ đá ghè đẽo và đồ đá mài, cùng với một số mảnh đồ gốm và đồ đồng vụn nát. Tổ hợp di vật thu được cho thấy, niên đại sớm nhất thuộc về văn hóa Sơn Vi, tiếp đến là giai đoạn Hòa Bình muộn/ sau Hòa Bình (với các công cụ mảnh hình dáng hình học), sau đó là giai đoạn hậu kỳ Đá mới (với các hạch đá, phác vật rìu, cuốc); và cuối cùng là giai đoạn Kim khí (với các di vật gốm, đồng). Không thấy có các công cụ Hòa Bình điển hình kiểu Sumatralith ở di chỉ này (Nguyễn Trường Đông 2012).

2.3. Các di tích khảo cổ ở vùng bình nguyên và cao nguyên

Cùng với các di tích phân bố ở khu vực núi đá vôi và thềm cổ sông/suối, khu vực bình nguyên - cao nguyên Tam Đường, Tà Phình - Sìn Hồ (Lai Châu) có diện tích tương đối rộng và bằng phẳng, nơi có những quả núi đứng riêng lẻ cũng là nơi đã phát hiện được một số di tích khảo cổ học tiền sử.

- **Địa điểm hang Nậm Tun** ở cạnh suối Nậm Phé, bản Phiêng Đanh, thị trấn Phong Thổ, tọa độ $22^{\circ}31'18,3''$ vĩ Bắc và $103^{\circ}20'50,5''$ kinh Đông, cao tuyệt đối 322m (Hình 6). Hang Nậm Tun được Viện Khảo cổ học phát hiện năm 1972 và khai quật năm 1973. Hố khai quật 40m² có địa tầng dày 1,5m, gồm hai tầng văn hoá rõ rệt ứng với hai giai đoạn trước văn hóa Hòa Bình và giai đoạn hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí. Di chỉ có các di tích mộ táng, bếp lửa, xương cốt động vật. Trong hố khai quật thu được 987 di vật, gồm 934 đồ đá, 43 đồ xương và 10 mảnh gốm. Những người khai quật xếp lớp văn hoá sớm bên dưới vào giai đoạn trước Sơn Vi và khác Sơn Vi - Hòa Bình, lớp trên thuộc hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí (Nguyễn Xuân Diệu và Võ Quý 1976).

- **Địa điểm hang Đán Min** ở xã Tà Hừa, huyện Than Uyên, tọa độ $21^{\circ}52'00''$ vĩ Bắc, $103^{\circ}48'32''$ kinh Đông, cao 470m so với mặt nước biển. Tầng văn hóa dày 1,3m, cấu tạo bởi đất sét vôi màu nâu đen lẫn sạn sỏi, kết khá chắc. Lớp văn hóa này có 4 mức đều chứa di vật khảo cổ, xương cốt động vật hóa thạch và không hóa thạch. Giữa các mức này được ngăn cách nhau bởi các dải bột nhũ màu trắng đục không liên tục. Di vật ở hang Đán Min đều là công cụ ghè đẽo bằng đá cuội. Các di tích động vật khá phong phú, đã cho thấy phần nào đối tượng và kĩ năng kiếm sống của cư dân tiền sử ở đây và sự đa dạng về sinh thái, điều kiện môi trường khu vực di chỉ trong quá khứ. Những tư liệu này bổ sung một phần quan trọng cho nghiên cứu lịch sử văn hóa cộng đồng cư dân tiền sử khu vực phía Tây Bắc Việt Nam (Bùi Văn Liêm và Nguyễn Thơ Đình 2011).

Địa điểm hang Chiềng Ban ở xã Mường Kim, huyện Than Uyên, tọa độ $21^{\circ}53'04''$ vĩ Bắc, $103^{\circ}52'19''$ kinh Đông, cao 457m so với mặt nước biển (Hình 7). Chiềng Ban gồm nhiều hang động liên kết xung quanh một núi đá vôi, với tổng diện tích khoảng 150m². Một trong hai hang lớn đã tìm thấy 9 công cụ cuội ghè đẽo dạng Đá cũ. Trong các tầng trầm tích bám trên vách hoặc trần hang có loại màu đỏ nâu, màu vàng hoặc tái trầm tích màu vàng nhạt. Trong các trầm tích đó lộ ra với mật độ dày đặc các hóa thạch động vật có vú. Phần lớn là các răng rời, đôi khi còn di cốt hóa thạch gần như đầy đủ của một cá thể loài bò sát nhỏ. Thành phần động vật gồm có tê giác (*Rhinoceros* sp.), lợn rừng (*Sus* sp.), hươu (*Cervus* sp.), hoẵng (*Muntiacus muntjak*), voi răng kiếm (*Stegodon orientalis* Owen). Di tích này có giá trị khoa học, góp phần nghiên cứu người vượn và quần động vật thời Cánh tân và văn hóa Đá cũ ở Bắc Việt Nam (Phan Thanh Toàn và nnk 2011).



Hình 6. Di tích hang Nậm Tun



Hình 7. Cảnh quan di tích hang Chiềng Ban

(Nguồn: Tác giả)

3. Một số nhận xét

Quan sát trên bản đồ phân bố các địa điểm khảo cổ tiền sử ở tỉnh Lai Châu, chúng ta có thể nhận thấy di tích phân bố tập trung ở những khu vực núi đá vôi liền kề với những thung lũng rộng cùng với hệ thống sông suối dày đặc như Phong Thổ, Sìn Hồ, Than Uyên và Tân Uyên. Một trong những điều đáng lưu ý của các di tích khảo cổ tiền sử ở tỉnh Lai Châu dù thuộc loại hình hang động, mái đá hay ở ngoài trời đều có chung đặc điểm phân bố tập trung thành các cụm ở khu vực trũng và thường ở gần bờ sông, cửa suối dọc theo sông Đà, từ địa phận huyện Mường Tè qua các huyện Nậm Nhùn, Sìn Hồ, Phong Thổ, Than Uyên và Tân Uyên. Mỗi nhóm gồm một số di tích, phân bố liền kề, đôi khi nằm đối nhau ở hai bờ sông, các di tích cùng nhóm có một số đặc điểm tương đồng về di tích, di vật, phương thức kỹ thuật và niên đại. Khi nghiên cứu về đặc trưng phân bố của các di tích khảo cổ học khu vực các lòng hồ thủy điện Sơn La, Lai Châu và Huổi Quảng - Bản Chát, chúng tôi đã bước đầu xác nhận có các nhóm/cụm di tích dưới đây (Nguyễn Khắc Sử và nnk 2011; Lê Hải Đăng 2016b; 2017):

- **Cụm thứ nhất** gồm 7 di tích: Nậm Dôn, Hát Đầu, Nậm Mạ, Huổi Ca, Co Đơ và Huổi Lóng, phân bố ở bán kính dưới 10km, tập trung nhất ở cửa suối Nậm Mạ, tiêu biểu nhất là di tích Huổi Ca và Nậm Dôn, các di tích khác như các vệ tinh xung quanh.

- **Cụm thứ hai** gồm 8 di tích: Nậm Kha, Nậm Hăn, Hát Hí, Hát Hi (huyện Sìn Hồ, Lai Châu), Huổi Sỏ, Huổi Le, Huổi Lé, Pắc Na (huyện Tủa Chùa, Điện Biên) nằm trong vùng bán kính khoảng 7km, tập trung nhất ở cửa suối Nậm Hăn và Tủa Thàng; tiêu biểu là các di tích Huổi Le, Huổi Lé và Pắc Na.

- **Cụm di tích thứ ba** gồm 18 di tích: Tà Vải 1, Tà Vải 2, Bản Khá, Bản Xanh, Bản Xi, Bản Sỏ, Nậm Ngò, Tho Ló, Co Tỏi, Pá Lầu, Phiêng Dương, Phiêng Áng, Bản Gia, Bản Nam, Phiêng Cầm, Bản On, Bản Mờ. Các di tích này phân bố dọc đôi bờ sông Nậm Mu (một chi lưu của sông Đà) trong bán kính trên dưới 10km, tập trung nhất ở các ngã ba nơi cửa các con suối lớn đổ ra Nậm Mu, huyện Than Uyên và Tân Uyên. Trong các di tích này Tà Vải 1 và Phiêng Áng là những đại diện tiêu biểu.

- **Cụm di tích thứ tư** gồm 6 di tích: Nậm Cùm, Phiêng Khang, Nà Khặt Lùm, Bản Cẩu, Đon Lạt và Bản Mường Tè, các di tích này phân bố ở thềm bậc hai dọc hai bên ngã ba nơi suối Nậm Cùm hợp lưu với sông Đà với bán kính khoảng 3km. Trong đó di tích Nậm Cùm và Phiêng Khang có vai trò trung tâm (Hình 1).

Ngoài ra còn có các di tích phân bố rải rác trên các thung lũng dạng bình nguyên nơi có những dòng suối nhỏ đổ vào suối lớn hoặc sông, quanh thung lũng có những sườn núi đá vôi với rừng cây nhiều tầng, những quả núi sót. Tiêu biểu như các di tích mái đá Thảm Khương, hang Thảm Púa ở xã Chiềng Đông, huyện Tuần Giáo (Điện Biên), di tích hang Nậm Tun ở xã Mường So, huyện Phong Thổ, hay các di tích hang Đán Mìn, hang Chiềng Ban ở huyện Than Uyên, Tân Uyên và các di tích Nậm Luông, Pô Lếch, Huổi Han ở huyện Mường Tè (Lai Châu).

Những kết quả nghiên cứu về địa lý tự nhiên - môi trường sinh thái và đặc trưng phân bố của hệ thống di tích khảo cổ học tiền sử ở Lai Châu đã khẳng định khu vực này sớm có sự cư trú và khai phá của con người, ít ra vào khoảng 3 vạn năm trước. Cư dân tiền sử Lai Châu đã chiếm cư và khai phá hầu khắp mọi địa hình từ các hang động núi đá vôi cho đến các bãi bồi thềm sông suối và cả ở các bình nguyên, cao nguyên. Trong các hang động, người tiền sử cư trú lâu dài, tạo ra bước chuyển biến rất quan trọng từ Tiềm Hòa Bình sang Hoà Bình. Trên các thềm sông cổ, cư dân tiền sử Lai Châu thường cư trú tạm thời, theo mùa. Những vết tích văn hoá của cư dân này thường không tập trung dày đặc như cư dân ở hang động. Dưới góc độ hình thái công cụ ít thấy có sự thay đổi. Một số di chỉ ngoài trời phản ánh những yếu tố Hòa Bình muộn, thậm chí hậu Hòa Bình, thuộc trung kỳ Đá mới.

TÀI LIỆU DẪN

LÊ HẢI ĐĂNG 2012. Di chỉ Huổi Ca trong bối cảnh tiền sử khu vực thượng du sông Đà. Trong *Khảo cổ học*, số 1: 3 - 18.

LÊ HẢI ĐĂNG 2015. Di chỉ Phiêng Áng-Tư liệu và giá trị khoa học. Trong *Nhân lực và Khoa học xã hội*, số 12: 101-108.

LÊ HẢI ĐĂNG 2016a. Di chỉ Huổi Han (Lai Châu) - Tư liệu và nhận thức. Trong *Khảo cổ học*, số 1: 22-28.

LÊ HẢI ĐĂNG 2016b. *Báo cáo kết quả điều tra khảo cổ học thời đại Đá ở huyện Mường Tè (Lai Châu)*. Thư viện Viện Khảo cổ học, Hà Nội.

- LÊ HẢI ĐĂNG 2017. *Khảo cổ học thời đại đá khu vực thượng du sông Đà*. Luận án tiến sĩ khảo cổ học. Tư liệu Viện Khảo cổ học.
- NGUYỄN TRƯỜNG ĐÔNG và nnk 2011. Kết quả khai quật di chỉ Nậm Cha (Lai Châu). Trong *NPHMVKCH năm 2010*. Nxb. KHXH, Hà Nội: 34-36.
- NGUYỄN TRƯỜNG ĐÔNG và nnk 2012. Kết quả khai quật di chỉ Nậm Hàng (Lai Châu). Trong *NPHMVKCH năm 2012*. Nxb. KHXH, Hà Nội: 38-40.
- NGUYỄN GIA ĐÔI 2011. Kết quả khai quật địa điểm Tà Vải 1 (Lai Châu). Trong *NPHMVKCH năm 2010*. Nxb. KHXH, Hà Nội: 34-36.
- NGUYỄN GIA ĐÔI, LÊ HẢI ĐĂNG 2010. *Báo cáo kết quả khai quật di chỉ Huổi Ca, xã Nậm Mạ, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu*. Tư liệu Viện Khảo cổ học, Hà Nội.
- BÙI VĂN LIÊM, NGUYỄN THƠ ĐÌNH 2011. *Báo cáo tổng hợp kết quả khai quật, di dời và xử lý các di tích khảo cổ lòng hồ thủy điện Bàn Chát (Lai Châu)*. Tư liệu Viện Khảo cổ học, Hà Nội.
- BÙI VĂN LIÊM, NGUYỄN THƠ ĐÌNH 2012. *Báo cáo tổng hợp kết quả khai quật, di dời và xử lý các di tích khảo cổ lòng hồ thủy điện Huổi Quàng (Lai Châu)*. Tư liệu Viện Khảo cổ học, Hà Nội.
- BÙI VĂN LIÊM, NGUYỄN THƠ ĐÌNH 2014. *Báo cáo tổng hợp kết quả khai quật, di dời và xử lý các di tích khảo cổ lòng hồ thủy điện Lai Châu (Lai Châu)*. Tư liệu Viện Khảo cổ học, Hà Nội.
- VÕ QUÝ 1976. Hang Nậm Tun (Lai Châu). Trong *Khảo cổ học*, số 17: 33 - 34.
- NGUYỄN KHẮC SỬ (Chủ biên) 2011. *Báo cáo tổng hợp kết quả khai quật, di dời và xử lý các di tích khảo cổ lòng hồ thủy điện Sơn La, trên đất ba tỉnh Lai Châu, Điện Biên và Sơn La*. Tư liệu Viện Khảo cổ học, Hà Nội.
- TỈNH ỦY, HĐND, UBND TỈNH LAI CHÂU 2009. *Lai Châu 100 năm lịch sử & phát triển*. Nxb. Chính trị Quốc gia.
- PHAN THANH TOÀN, NGUYỄN THƠ ĐÌNH, NGUYỄN ANH TUẦN 2011. Phát hiện di tích cổ sinh-Đá cũ hang Chiềng Ban (Lai Châu). Trong *NPHMVKCH năm 2010*. Nxb. KHXH, Hà Nội: 52-54.

GENERALIZATION OF PREHISTORIC ARCHAEOLOGICAL SITE SYSTEM IN LAI CHÂU

LÊ HẢI ĐĂNG, LƯU VĂN PHÚ

Lai Châu is a province at the Northwest border, with the geographical coordinates from 21°41' to 22°49' North latitude and 102°19' to 103°59' East longitude, whose natural conditions and ecological environment are highly biodiversified, with extremely large natural resources, and the streams and Đà river with its tributaries play a basic role for travel and interaction both inside and outside the area.

Lai Châu is an ideal place for people to live, especially for prehistoric inhabitants. Up to now, the archaeologists have recorded over 50 prehistoric archaeological sites in Lai Châu from 30,000 BP to more than 4,000 BP. The results of the research on the natural geo-ecological environment and the distributive characteristics of the prehistoric site system in Lai Châu have confirmed that this is an ancient land, with early human inhabitation and exploitation. The prehistoric inhabitants in Lai Châu occupied and explored almost every terrain from limestone caves to alluvial-bed fields of rivers and streams, and also in the plains and plateaus. The sites are often in clusters of groups, sharing some similar characteristics in terms of relics, artifacts, technical methods and dates.